

Số: /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 143 /TTr-LĐTBXH ngày 11 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ một số thủ tục hành chính lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động; lĩnh vực Người có công; lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp tại Quyết định số: 2197/QĐ-UBND và 2198/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam về việc công bố thủ tục hành chính, danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam; Quyết định số: 1571/QĐ-UBND và 1572/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam về việc công bố thủ tục hành chính, danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam. Bãi bỏ một số thủ tục hành chính lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội tại Quyết định số: 2089/QĐ-UBND và 2090/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của Chủ tịch

UBND tỉnh Hà Nam về việc công bố TTHC thuộc thẩm quyền của cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Nam (có danh mục kèm theo).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ - Cục KSTTHC (để b/c);
- TTTU, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VNPT tỉnh Hà Nam;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐVP, KSTT, TTPVHCC, KGVX (D);
- Lưu: VT, KSTT (P).

CHỦ TỊCH

Trương Quốc Huy

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÀNH LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH HÀ NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Người có công					
1	1.010801	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	16 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng
2	1.010802	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	09 ngày hoặc 14 ngày tùy theo từng trường hợp			
3	1.010803	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	18 ngày			
4	1.010804	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	17 ngày			
5	1.010805	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến (hiện không công tác trong quân đội, công an)	07 ngày			
6	1.010806	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	95 ngày (35 ngày của cơ quan cấp giấy chứng nhận bị thương; 60 ngày của Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh)			

7	1.010807	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	78 ngày (60 ngày của Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh)			
8	1.010808	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	13 ngày			
9	1.010809	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	22 ngày (12 ngày của BHXH tỉnh)			
10	1.010810	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	151 ngày (UBND xã niêm yết thông báo tối thiểu là 40 ngày, 60 ngày của Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh); 154 ngày (thường trú tại địa phương khác)			
11	1.010811	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	33 ngày			
12	1.010812	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	12 ngày làm việc			
13	1.010813	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	05 ngày làm việc			
14	1.010814	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy	10 ngày			

		chứng nhận thân nhân liệt sĩ			
15	1.010815	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	28 ngày		
16	1.010816	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	<p>Trường hợp người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: 81 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. <i>60 ngày của Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh</i>);</p> <p>- Trường hợp người hoạt động kháng chiến có con đẻ bị dị dạng, dị tật đã được hưởng chế độ ưu đãi mà bố (mẹ) chưa được hưởng: 88 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. <i>60 ngày của Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh</i>);</p> <p>- Trường hợp có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.</p>		
17	1.010817	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	- 88 ngày (<i>60 ngày của Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh</i>);		
18	1.010818	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	12 ngày		
19	1.010819	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	11 ngày		

20	1.010820	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	11 ngày			
21	1.010821	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	- 21 ngày (TH hồ sơ người có công đang do quân đội, công an quản lý). - 12 ngày làm việc (TH hồ sơ người có công không do quân đội, công an quản lý).			
22	1.010822	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	09 ngày			
23	1.010823	Hưởng lại chế độ ưu đãi	06 ngày			
24	1.010824	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi tử trần	- Trợ cấp một lần; Trợ cấp mai táng: 19 ngày ; - Đối với trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng: + 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp đủ điều kiện. + 27 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng.			
25	1.010825	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	17 ngày			
26	1.010826	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	19 ngày			
27	1.010827	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	18 ngày			
28	1.010828	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	08 ngày			

29	1.010829	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	10 ngày làm việc			
30	1.010830	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	09 ngày làm việc			
31	1.010831	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh	10 ngày			
II Lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động						
1	2.002341	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động	- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 05 ngày làm việc; - cơ quan bảo hiểm xã hội: 05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	Căn cứ Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc
2	2.002343	Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp	- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 05 ngày làm việc; - cơ quan bảo hiểm xã hội: 05 ngày làm việc			
III Lĩnh vực Giáo dục, nghề nghiệp						
1	1.010587	Thành lập hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc UBND tỉnh	08 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 - Nghị định số

2	1.010588	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	08 ngày làm việc	Hành chính công tỉnh Hà Nam	48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ . - Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
3	1.010589	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	08 ngày làm việc		
4	1.010590	Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập	08 ngày làm việc		
5	1.010588	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	08 ngày làm việc		
6	1.010592	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	08 ngày làm việc		
7	1.010593	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục	08 ngày làm việc		
8	1.010594	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị	08 ngày làm việc		
9	1.010595	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục	08 ngày làm việc		
10	1.010596	Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục	08 ngày làm việc		
11	1.010927	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn	04 ngày làm việc		

12	1.010928	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	06 ngày làm việc			<p>hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ
IV	Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội					
1	1.010935	Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14. - Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy
2	1.010936	Cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	05 ngày làm việc			
3	1.010937	Thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	02 ngày làm việc			

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH ĐỘNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước					
1	1.005132	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13/11/2020; - Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH
2	2.002028	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	05 ngày làm việc			
3	1.000502	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	05 ngày làm việc			
II	Lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động					
1	2.000111	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Nam		Căn cứ Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc
III	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp					

1	1.000243	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh	16 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp
2	2.000099	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh	06 ngày làm việc			
3	1.000234	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh	08 ngày làm việc			
4	1.000266	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh	08 ngày làm việc			
5	1.000031	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh	03 ngày làm việc			
6	2.000189	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	06 ngày làm việc			

7	1.000389	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	06 ngày làm việc; hoặc 03 ngày làm việc tùy trường hợp			
8	1.000160	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	16 ngày làm việc			
9	1.000138	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	06 ngày làm việc			
10	1.000167	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	06 ngày làm việc			
11	1.000154	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	05 ngày làm việc			
12	1.000553	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	08 ngày làm việc			
13	1.000530	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	03 ngày làm việc			

14	1.000509	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	16 ngày làm việc			
15	1.000482	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	20 ngày làm việc			

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Người có công	
1	Giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động	<p>- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.</p> <p>- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng</p>
2	Giải quyết chế độ mai táng phí, trợ cấp 1 lần đối với người có công với cách mạng tử trần	
3	Giải quyết chế độ mai táng phí cho đối tượng theo quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 và quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ	
4	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ	
5	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với đối tượng là dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.	
6	Giải quyết mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định 150/2006/NĐ-CP	
7	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công tử trần	
8	Hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong các trường hợp	
9	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	
10	Giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác	

11	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến
12	Giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh
13	Giám định vết thương còn sót
14	Giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh
15	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
16	Giải quyết chế độ ưu đãi con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
17	Giải quyết chế độ người hoạt cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày
18	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế
19	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng
20	Sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công
21	Di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng
22	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ
23	Đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”
24	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng
25	Giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát
26	Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc được tặng Huân chương, Huy chương chết trước ngày 01/01/1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi
27	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ
28	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ
29	Trợ cấp 1 lần đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc
30	Đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ
31	Hỗ trợ di chuyển hài cốt liệt sĩ

32	Lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình	
33	Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	
34	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm pu chia thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh Hà Nam	
II	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	
1	Thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
2	Thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện	- Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Điều lệ trường trung cấp
3	Thành lập hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục	
4	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục	
5	Miễn nhiệm giám đốc Trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục	
6	Cho phép hoạt động liên kết đào tạo trở lại đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp	- Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ
III	Lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động	
	Hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh nghề nghiệp; chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

STT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Người có công					
1	1.010832	Thăm viếng mộ liệt sĩ	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
II	Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội					
1	1.010938	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14. - Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.
2	1.010939	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	05 ngày làm việc			
3	1.010940	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.	05 ngày làm việc			

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC
I	Lĩnh vực Việc làm	

1	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ vay vốn	Khoản 1 điều 28, Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm
II Lĩnh vực Lao động Tiền lương		
1	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp đến cơ quan QLNN về lao động cấp huyện	Khoản 2, điều 93 Bộ luật Lao động 2019
III Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội		
1	Thủ tục “Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện”	Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy
2	Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện.	
IV Lĩnh vực người có công		
1	Hỗ trợ người có công đi làm phương tiện dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng
2	Hỗ trợ di chuyển hài cốt liệt sỹ.	
3	Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sỹ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sỹ.	
V Lĩnh vực Bảo trợ xã hội		
1	Tiếp nhận người khuyết tật đặc biệt nặng vào nuôi dưỡng, chăm sóc trong cơ sở bảo trợ xã hội.	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
2	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với người khuyết tật.	

3	Thực hiện trợ cấp xã hội khi người khuyết tật thay đổi nơi cư trú.	
4	Điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội, hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với người khuyết tật .	
5	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với người khuyết tật đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi đang hưởng trợ cấp xã hội.	
6	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với người khuyết tật đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi chưa được hưởng trợ cấp xã hội.	
7	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với người nhận nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng.	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
8	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng.	
9	Thực hiện trợ cấp xã hội đối với người khuyết tật.	
10	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp là trẻ em có cả cha, mẹ bị chết, mất tích mà không có người thân thích chăm sóc nuôi dưỡng hoặc người thân thích không có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng.	
11	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội.	
12	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội vào cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền thành lập của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
13	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động chăm sóc người cao tuổi do Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thực hiện.	Nghị định 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
14	Cấp lại giấy phép do bị mất, hư hỏng; điều chỉnh giấy phép khi cơ sở chăm sóc người khuyết tật thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở chính, người đứng đầu, phạm vi, nội dung dịch vụ đối với cơ sở do tổ chức cá nhân trong nước thành lập.	

15	Cấp giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật đối với các cơ sở do tổ chức cá nhân trong nước thành lập.	
16	Hỗ trợ khẩn cấp trẻ em khi cha, mẹ bị chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn hoặc do lý do bất khả kháng khác mà không còn người thân thích chăm sóc.	Điều 16, điều 19 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

STT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Người có công					
1	1.010833	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
II	Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội					
1	1.010941	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	- Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Người có công	
1	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sỹ, đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sỹ	- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
2	Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	
II	Lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội	
3	Miễn chấp hành Quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng	- Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng,

4	Hoãn chấp hành Quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng	chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy
5	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cộng đồng	- Quyết định 470/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Về việc công bố các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội